

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST
Ngày 28 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Tôn Văn S, sinh năm 1989; Nơi sinh: tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tôn Văn Ph, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-7-2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Trần Thị L, sinh năm 1945. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Lương Thị Ngọc H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Thanh Kh, sinh năm 1963. (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A2, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Tôn Văn Ph, sinh năm 1962. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Thạch Đ, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng..

2. Ông Trần Anh D, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 05-6-2021, bị cáo Sơn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83H5-1248 đi từ nhà đến thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để uống cà phê. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo S điều khiển xe đến ấp Xây Đá, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhìn thấy bị hại Lan là người bán vé số dạo đang ngồi sát mé đường theo hướng di chuyển. Bị cáo S dừng xe hỏi mua vé số thì bị hại L trả lời hết vé số. Bị cáo S hỏi bị hại L về đâu bị cáo S chở về, bị hại L lên xe nhờ bị cáo S chở về nhà tại ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.. Khi chở bị hại L trên tuyến đường lộ đal hướng vào nhà bị hại L một đoạn khoảng 100m, bị cáo S dừng xe lại cho bị hại L xuống. Thấy khu vực vắng người nên bị cáo S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại L. Bị cáo S lấy trong túi quần số tiền 50.000 đồng nhờ bị hại L đổi tiền lẻ, mục đích để quan sát, thăm dò xem bị hại L có tài sản để chiếm đoạt. Bị hại L lấy trong túi áo cái ví (bóp) cầm trên tay thì bị cáo S dùng tay phải giật lấy cái ví (bóp), bị hại L dùng hai tay cầm tay bị cáo S lại không cho bị cáo S chiếm đoạt tài sản thì bị cáo S dùng tay trái đẩy hai tay của bị hại L ra rồi lên xe chạy về hướng tỉnh Hậu Giang. Trên đường đi, bị cáo S kiểm tra phát hiện trong ví (bóp) có số tiền 300.000 đồng và 05 tờ vé số trúng giải 08 - Trúng số đầu, mỗi tờ vé số trúng thưởng số tiền 100.000 đồng, gồm: 01 tờ vé số đài Cần Thơ số 76, mở thưởng ngày 02-6-2021 và 04 tờ vé số đài Trà Vinh số 10, mở thưởng ngày 04-6-2021. Sau đó, bị cáo S điều khiển xe về khu vực ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đổi 05 tờ vé số trúng thưởng cho người đàn ông bán vé số dạo (không rõ họ, tên và địa chỉ) được số tiền 500.000 đồng. Số tiền bị cáo S chiếm đoạt của bị hại L thì bị cáo S tiêu xài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, bị hại L đến Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình báo sự việc.

- Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ của bị cáo S: 01 (một) Xe mô tô biển kiểm soát 83H5-1248; 01 (một) Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 001431, biển kiểm soát 83H5-1248; 01 (một) Nón bảo hiểm màu trắng có chữ nón sơn, vành lưỡi chai màu đen; 01 (một) Kính đeo mắt màu vàng đen, trên kính có dòng chữ “PORSCHE”; 01 (một) Đôi dép màu đỏ đen, trên quai có dòng chữ “NIKE”; 01 (một) Áo thun có bầu, ngắn tay

màu xanh và 01 (một) Quần short, vải Jean màu nâu trắng. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Tôn Văn Pháp 01 (một) Xe mô tô biển kiểm soát 83H5-1248 và 01 (một) Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 001431 biển kiểm soát 83H5-1248. Trả lại cho bị cáo S 01 (một) Nón bảo hiểm màu trắng có chữ nón sơn, vành lưỡi chai màu đen; 01 (một) Kính đeo mắt màu vàng đen, trên kính có dòng chữ “PORSCHE”; 01 (một) Đôi dép màu đỏ đen, trên quai có dòng chữ “NIKE”; 01 (một) Áo thun có bầu, ngắn tay màu xanh và 01 (một) Quần short, vải Jean màu nâu trắng.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị hại L yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo S đã bồi thường xong.

- Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKS-CT ngày 29-9-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo S tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo S tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Phát biểu luận tội, Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo S, đề nghị: Áp dụng Khoản 1 Điều 171, điểm i Khoản 1 Điều 52, điểm b điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo S từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Về trách nhiệm dân sự thì bị cáo S đã bồi thường xong cho bị hại L số tiền 1.000.000 đồng, bị hại L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết. Về vật chứng thì Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử lý xong nên không xem xét, giải quyết.

Bị cáo S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Phát biểu tranh luận, bị cáo S thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng bị cáo S xin được hưởng án treo.

Tại bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất với Cáo trạng truy tố bị cáo S tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo S. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo S mức hình phạt phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, về trách nhiệm dân sự thì bị cáo S đã bồi thường cho bị hại L xong, bị hại L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không có ý kiến.

Bị hại L thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát; thống nhất với quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Phát biểu tranh luận, bị hại L yêu cầu cho bị cáo S được hưởng án treo và không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Lương Thị Ngọc Hân có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Thanh Kh có đơn xin vắng mặt; Người làm chứng ông Thạch Đ, ông Trần Anh D vắng mặt không có lý do. Bị cáo S, bị hại L yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đã gọi cho Tòa án luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Thanh Kh có đơn xin vắng mặt, còn người làm chứng ông Thạch Đ, ông Trần Anh D vắng mặt không có lý do, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng họ không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng hành vi phạm tội, không oan sai; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 05-6-2021 tại ấp B, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. bị cáo S thấy đường vắng người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại L. Bị cáo S lấy trong túi quần số tiền 50.000 đồng nhờ bị hại L đổi tiền lẻ, mục đích để quan sát, thăm dò xem bị hại L có tài sản để chiếm đoạt. Khi bị hại L lấy trong túi áo cái ví (bóp) cầm trên tay thì bị cáo S dùng tay phải giật lấy cái ví (bóp), bị hại L dùng hai tay cầm tay bị cáo S lại không cho bị cáo S chiếm đoạt tài sản thì bị cáo S dùng tay trái đẩy hai tay của bị hại L ra rồi lên xe rời khỏi hiện trường. Sau đó, bị cáo S kiểm tra trong ví (bóp) có số tiền 300.000 đồng và 05

tờ vé số trúng giải 08 – trúng số đầu, bị cáo S đổi 05 tờ vé số trúng thưởng được số tiền 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

[4] Bị cáo S là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo S nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo S đã lợi dụng sự không đề phòng, không có khả năng chống trả của bị hại L, bị cáo S đã giật lấy ví (bóp) tiền của bị hại L cầm trên tay rồi nhanh chóng điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Số tiền mà bị cáo S chiếm đoạt của bị hại L tổng cộng là 800.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tại Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”.

[6] Như vậy, Cáo trạng số: 21/CT-VKS-CT ngày 29-9-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo S tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo S là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho người dân tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo thật nghiêm thì mới đủ sức trấn áp, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo S như sau: Bị cáo S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo S chiếm đoạt tài sản của bị hại L đã trên 70 tuổi (76 tuổi) nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường xong cho bị hại và bị hại làm đơn bãi nại; cha ruột tên Tôn Văn Pháp được Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng tặng “Giấy khen” vào năm 1995 và năm 1997, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị hại L yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo S đã bồi thường xong. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại L không yêu cầu bị cáo S bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về vật chứng của vụ án: Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Kiểm sát viên đề nghị áp dụng về tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khung hình phạt đối với bị cáo S là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo S mức khởi điểm của khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, thể hiện nguyên tắc khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[12] Bị cáo S bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng và bị hại L yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo S phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên, gây bức xúc tại địa phương, tình hình tội phạm xâm phạm tài sản tại địa phương còn diễn biến phức tạp, việc cho bị cáo S hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, không có tác dụng trấn áp, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo S và yêu cầu cho bị cáo S được hưởng án treo của bị hại L.

[13] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị xử phạt bị cáo S mức hình phạt phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không đề nghị mức hình phạt cụ thể. Như đã nhận định, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo S mức khởi điểm khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[14] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo S là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 171, điểm i Khoản 1 Điều 52, điểm b điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Tôn Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Tôn Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị L không yêu cầu bị cáo Tôn Văn S phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Tôn Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- CQĐT Công an huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt